TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **71**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-8-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Trọng Vũ.

2. Bà Đinh Thị Thanh Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kinh Luân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 265/2023/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1983 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Chị Công Hoàng Tôn Nữ Tuyết V, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 177, ấp C, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc Thắng trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Công Hoàng Tôn Nữ Tuyết V tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài nhưng anh chị vẫn không khắc phục được nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm năm 2014 cho đến nay. Nay anh xác định vợ chồng không thể nào tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Do đó, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị V. Anh T không yêu cầu Tòa án xem xét đến việc cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2008, hiện đang sống với anh. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị V không có tài sản chung.

Về nợ chung: Anh và chị V không có nợ chung.

Bị đơn chị Công Hoàng Tôn Nữ Tuyết V trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, hồ sơ khởi kiện photo theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị V đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của chị V.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ theo quy định của pháp luật; riêng bị đơn không tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị V kéo dài đã nhiều năm nhưng anh chị không tự khắc phục được. Trong suốt quá trình tố tụng, chị V vắng mặt; điều đó cho thấy chị V không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị V đã trầm trọng, hôn nhân có kéo dài cũng không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2008, hiện đang sống với anh T, anh T yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy, từ khi anh T và chị V ly thân cho đến nay thì anh T là người trực tiếp nuôi con chung; để đảm bảo không làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của con chung nên đề nghị Tòa chấp

nhận yêu cầu của anh T, giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng; ghi nhận việc anh T không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung anh T khai không có nên không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa án ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa anh Nguyễn Ngọc T và chị Công Hoàng Tôn Nữ Tuyết V là tranh chấp về ly hôn, về nuôi con chung theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Công Hoàng Tôn Nữ Tuyết V có nơi cư trú tại xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhưng bị đơn chị V vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án đã tiến hành lập biên bản không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị V vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị V.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Công Hoàng Tôn Nữ Tuyết V tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 08/10/2012 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Anh T xác định nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do cả hai có bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau. Từ năm 2014 đến nay, vợ chồng anh T, chị V đã sống ly thân. Tại biên bản xác minh của Tòa án cũng xác định được anh Thắng và chị Vân đã ly thân được một thời gian dài. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị V không tham gia phiên hòa giải, điều đó cho thấy chị V không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Từ đó có cơ sở để xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì quan hệ hôn nhân này sẽ ảnh hưởng đến đời sống bình thường của các thành viên trong gia đình nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T. Ghi nhận anh Nguyễn Ngọc T không yêu cầu về cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

[3] Về con chung: Anh T và chị V có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2008. Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Chị V vắng

mặt, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị V về con chung. Tuy nhiên, từ khi ly thân chị V đến nay anh T là người trực tiếp nuôi con chung. Cháu T cũng có nguyện vọng được sống cùng anh T. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung và không làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của con, Hội đồng xét xử giao cho anh T được trực tiếp nuôi cháu T cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật là phù hợp theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Sau khi ly hôn chị V có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị V thực hiện quyền này. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T khai tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, chị V vắng mặt, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị V về phần tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề này.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 115 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Ngọc T ly hôn với chị Công Hoàng Tôn Nữ Tuyết V. Ghi nhận anh Nguyễn Ngọc T không yêu cầu về cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2008 cho anh Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc anh T không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Công Hoàng Tôn Nữ Tuyết V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Anh T khai tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh T khai nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003732 ngày 28/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Anh Nguyễn Ngọc T đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Ngọc T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Công Hoàng Tôn Nữ Tuyết V vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Ngọc Trâm